**PHÒNG GD&ĐT TRI TÔN**

TRƯỜNG THCS LẠC QUỚI

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA**

**CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tục ngữ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Văn bản thông tin |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Truyện khoa học viễn tưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thơ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận | **Nhận biết**:- Nhận biết được thể loại nghị luận một vấn đề trong đời sống. - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống. - Xác định được các phép liên kết trong văn bản.**Thông hiểu**:- Xác định được vấn đề, mục đích, nội dung chính của văn bản.- Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: so sánh; nói quá; nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:** - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  |
| Tục ngữ | **Nhận biết**- Nhận biết chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc.- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.- Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.**Thông hiểu**- Hiểu được ngữ nghĩa cụ thể của mỗi câu tục ngữ và những đề tài chung của các câu tục ngữ.- Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.**Vận dụng**- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm văn bản.- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu lí do. |  |  |  |  |
| Văn bản thông tin | **Nhận biết**:- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**\* Thông hiểu**:- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.- Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.- Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.- Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:** - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử. - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. |  |  |  |  |
| Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện viễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:**- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  |  |  |  |
| Thơ | **Nhận biết:**- Nhận biết được thể thơ; từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.(câu 1,2,3)- Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.- Xác định được số từ, phó từ.**Thông hiểu:**- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.(câu 5)- Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.(câu 8)- Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.(câu 4,6,7)- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.**Vận dụng:**- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. (câu 10)- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. (câu 9) | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:** Viết được bài văn biểu cảm về con người: thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người; nêu được vai trò của con người đối với bản thân. |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**III. ĐỀ - ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**KHI CON TU HÚ**

 **(Tố Hữu)**

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần.

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

*(Ngữ văn 8 - tập 2 trang 19 - NXBGDVN)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú.                         B. Thất ngôn tứ tuyệt.

C. Lục bát.                                          D. Tự do.

**Câu 2.** Xác định nhịp thơ của hai câu thơ sau:

*“Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”*

           A. 3/3 - 4/2/2                               B. 4/2 - 4/4

C. 2/2/2 - 4/2/2                                D. 3/3 - 6/2

**Câu 3**. Biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong câu thơ:

*“Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!”.*

A. Ẩn dụ                                          B. Hoán dụ

C. So sánh                                        D. Nói quá

**Câu 4**. Trong bài thơ, không gian tự do cao rộng của bức tranh thơ được thể hiện qua hình ảnh nào?

A. Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

B. Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…

C. Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

D. Vườn râm dậy tiếng ve ngân

**Câu 5:** Bốn câu thơ cuối tâm trạng người tù cách mạng được thể hiện như thế nào?

A. Uất ức, bồn chồn, khao khát tự do đến cháy bỏng.

 B. Nung nấu ý chí hành động để thoát khỏi chốn ngục tù.

 C. Buồn bực vì chim tu hú ngoài trời kêu.

 D. Mong nhớ da diết cuộc sống ngoài chốn ngục tù.

**Câu 6:** Khung cảnh mùa hè được tác giả miêu tả như thế nào trong sáu câu thơ đầu?

A. Bức tranh mùa hè tràn ngập âm thanh của tiếng ve.

B. Bức tranh mùa hè tràn ngập màu xanh của bầu trời.

C. Bức tranh mùa hè tràn ngập âm thanh và màu sắc rực rỡ.

D. Bức tranh mùa hè là bức tranh của trời cao và nắng vàng.

**Câu 7:**Trong bài thơ, tại sao tiếng kêu của chim tu hú được tác giả nhắc đến hai lần?

A. Vì tiếng kêu chim tu hú là tín hiệu của mùa hè.

B. Vì tiếng kêu chim tu hú làm thức dậy mùa hè và bừng dậy khát vọng tự do trong lòng tác giả.

C. Vì tác giả thích nghe tiếng kêu chim tu hú.

D. Vì chim tú hú kêu nhiều quá.

**Câu 8:**Nội dung bài thơ “Khi con tu hú” là gì?

A. Miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên quê hương trong một buổi trưa mùa hạ.

B. Thể hiện lòng trung kiên và tinh thần bất khuất của tác giả.

C. Khẳng định một chân lí: “Trời xanh càng rộng càng cao”.

D. Thể hiện lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Nhận xét sự thay đổi nhịp thơ của 4 câu thơ cuối và cách sử dụng từ ngữ của tác giả?

**Câu 10**. Qua bài thơ, em nhận xét gì về tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**Đề:** Một số bạn học sinh hiện nay có lối sống đua đòi *( thể hiện trên những phương diện quần áo, ăn uống, giải trí,....).* Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên. ------------------------- Hết -------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

**CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | B | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
|  | 9 | - Cách ngắt nhịp bất thường 6/2 ( câu 8 ); 3/3 ( câu 9 ). **(ý 1)**- Sử dụng các động từ mạnh (đập tan phòng, chết uất), những từ ngữ cảm thán (ôi, thôi, làm sao), câu cảm thán (câu 8 và câu 10). **(ý 2)*****Hướng dẫn chấm****:**- Trả lời như 2 ý trên: 1,0 điểm.**- Trả lời được ý 1: 0,25 điểm**- Trả lời được ý 2: 0,75 điểm (Học sinh trả lời được 1 phần trong ý này sẽ được 0,5 điểm)**- Không trả lời ý nào: Không cho điểm.* | 1,0 |
|  | 10 |  - Cảm giác ngột ngạt, uất ức cao độ của người chiến sĩ cách mạng trong ngục giam tăm tối.- Niềm khao khát tự do cháy bỏng, tiếng chim tu hú bên ngoài tác động mạnh đến lòng yêu cuộc sống của người chiến sĩ cách mạng.***Hướng dẫn chấm****:**- Trả lời như đáp án: 1,0 điểm.**- Trả lời chung không phân rõ 2 ý nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu: 0,75 điểm.**- Trả lời đúng 1 trong 2 ý trên: 0,5 điểm**- Trả lời chung chung nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu: 0,25 điểm**- Không trả lời ý nào: không cho điểm.* ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nếu hợp lý vận dụng đáp án để chấm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Suy nghĩ cá nhân về lối sống đua đòi của một số bạn học sinh hiện nay. | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận.*HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu khái quát về lối sống đua đòi của học sinh hiện nay (Nêu ý kiến của bản thân).- Giải thích: lối sống đua đòi của học sinh hiện nay.- Thực trạng của lối sống đua đòi của các bạn học sinh hiện nay.- Tác hại của lối sống đua đòi.- Nguyên nhân của lối sống đua đòi.- Một số giải pháp.- Khẳng định lại vấn đề.- Bài học của bản thân/ lời khuyên.***Hướng dẫn chấm:*** *- Trình bày được đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, sáng tạo: 2,25-2,5 điểm.**- Trình bày được đầy đủ, rõ ràng, nhưng chưa mạch lạc lắm: 1,5-2,0 điểm.**- Trình bày chung chung vấn đề hoặc chưa đầy đủ các lí lẽ, bằng chứng chính: 0,75 – 1,25 điểm.**- Trình bày còn lung tung, lộn xộn các lí lẽ, bằng chứng (lí lẽ không rõ ràng, bằng chứng không xác thực): 0,25-0,5 điểm.**- Không trình bày được: 0,0 điểm.* | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc; có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt; lựa chọn lí lẽ rõ ràng; bằng chứng xác thực, đa dạng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

 **TTCM GVBM**

TRẦN VĂN CHIẾN TRẦN NGỌC NGHĨA

**DUYỆT CỦA BGH**